

CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁO DỤC THÀNH THÀNH CÔNG

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 03 NĂM 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁO DỤC
THÀNH THÀNH CÔNG
SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 23 tháng 5 năm 2018



Huỳnh Ai Vân



**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 03 NĂM 2018**

NỘI DUNG

Thông tin về doanh nghiệp

Bảng cân đối kế toán riêng (Mẫu số B 01 – DN)

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng (Mẫu số B 02 – DN)

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng (Mẫu số B 03 – DN)

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng (Mẫu số B 09 – DN)

THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp

Số 3601478519 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu ngày 25 tháng 12 năm 2008 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 17 ngày 14 tháng 8 năm 2017.

Hội đồng Quản trị

Bà Đặng Huỳnh Ước My	Chủ tịch
Ông Lê Ngọc Thông	Phó Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 17.7.2017)
Bà Nguyễn Thái Hà	Thành viên (bổ nhiệm ngày 2.8.2017)
Ông Hoàng Mạnh Tiến	Thành viên (bổ nhiệm ngày 25.12.2017)
Bà Phạm Ngọc Thanh Mai	Thành viên (bổ nhiệm ngày 25.12.2017)
Ông Lê Ngọc Thông	Thành viên (miễn nhiệm ngày 17.7.2017)
Bà Châu Kim Yến	Thành viên (miễn nhiệm ngày 2.8.2017)
Bà Phạm Thị Thu Trang	Thành viên (miễn nhiệm ngày 25.12.2017)
Bà Phạm Vũ Thanh Hà	Thành viên (miễn nhiệm ngày 25.12.2017)

Ban Tổng Giám đốc

Bà Trần Quế Trang	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 1.2.2018)
Bà Đặng Huỳnh Ước My	Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 1.2.2018)
Bà Dương Thục Linh	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Mỹ Thuyên	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đinh Hoàng Triều	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 1.2.2018)
Ông Nguyễn Tâm Hòa	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 16.10.2017)
Bà Phạm Thị Thu Trang	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 26.11.2017)
Ông Trần Anh Vĩnh Thịnh	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 3.3.2018)

Người đại diện theo pháp luật

Bà Đặng Huỳnh Ước My Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Trụ sở chính

253 Hoàng Văn Thụ, Phường 2, Quận Tân Bình
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁO DỤC THÀNH THÀNH CÔNG

Mẫu số B 01 – DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Tại ngày	
			31.03.2018 VND	30.06.2017 VND
100	TÀI SẢN NGẮN HẠN		189.470.393.537	75.256.941.499
110	Tiền		9.654.927.035	3.903.630.190
111	Tiền	3	9.654.927.035	3.903.630.190
130	Các khoản phải thu ngắn hạn		176.246.869.667	67.569.889.845
131	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	4	1.227.835.152	3.104.741.590
132	Trả trước cho người bán ngắn hạn	5	5.808.138.206	6.359.071.852
135	Phải thu về cho vay ngắn hạn	6	113.633.171.144	40.223.171.144
136	Phải thu ngắn hạn khác	7(a)	56.194.676.534	18.499.856.628
137	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(616.951.369)	(616.951.369)
140	Hàng tồn kho		-	531.675.047
141	Hàng tồn kho		-	531.675.047
150	Tài sản ngắn hạn khác		3.568.596.835	3.251.746.417
151	Chi phí trả trước ngắn hạn	8(a)	755.864.025	200.795.931
152	Thuế GTGT được khấu trừ		2.307.689.694	2.635.929.427
153	Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	9	505.043.116	415.021.059
200	TÀI SẢN DÀI HẠN		647.378.401.492	466.565.255.226
210	Phải thu dài hạn		4.716.073.744	2.503.000.000
216	Phải thu dài hạn khác	7(b)	4.716.073.744	2.503.000.000
220	Tài sản cố định		55.883.238.635	57.484.637.778
221	Tài sản cố định hữu hình	10(a)	36.745.151.876	39.134.981.965
222	Nguyên giá		41.543.725.946	43.998.762.174
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(4.798.574.070)	(4.863.780.209)
227	Tài sản cố định vô hình	10(b)	19.138.086.759	18.349.655.813
228	Nguyên giá		19.236.248.553	18.377.062.553
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(98.161.794)	(27.406.740)
240	Tài sản dở dang dài hạn		76.417.822.331	50.022.890.079
242	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	76.417.822.331	50.022.890.079
250	Đầu tư tài chính dài hạn	12	507.875.771.497	353.154.593.135
251	Đầu tư vào công ty con		511.633.232.091	356.912.053.729
252	Đầu tư vào công ty liên kết		-	-
254	Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(3.757.460.594)	(3.757.460.594)
260	Tài sản dài hạn khác		2.485.495.285	3.400.134.234
261	Chi phí trả trước dài hạn	8(b)	2.485.495.285	3.400.134.234
270	TỔNG TÀI SẢN		836.848.795.029	541.822.196.725

CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁO DỤC THÀNH THÀNH CÔNG

Mẫu số B 01 – DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Tại ngày	
			31.03.2018 VND	30.06.2017 VND
300	NỢ PHẢI TRẢ		466.939.727.103	189.037.210.618
310	Nợ ngắn hạn		115.214.727.103	63.162.210.618
311	Phải trả người bán ngắn hạn	13	2.601.709.059	23.885.235.152
312	Người mua trả tiền trước ngắn hạn		1.862.624.139	-
313	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	214.402.015	57.157.204
314	Phải trả người lao động		605.114	2.121.211.560
315	Chi phí phải trả ngắn hạn	15	8.540.457.231	2.440.085.451
319	Phải trả ngắn hạn khác	16	13.082.914.692	7.599.289.731
320	Vay ngắn hạn	17(a)	87.559.738.397	8.218.521.251
322	Quỹ khen thưởng, phúc lợi		1.352.276.456	26.440.000.000
330	Nợ dài hạn		351.725.000.000	125.875.000.000
338	Vay dài hạn	17(b)	351.725.000.000	125.875.000.000
400	VỐN CHỦ SỞ HỮU		369.909.067.926	352.784.986.107
410	Vốn chủ sở hữu		369.909.067.926	352.784.986.107
411	Vốn góp của chủ sở hữu	18, 19	350.000.000.000	350.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	18	350.000.000.000	350.000.000.000
421	Lợi nhuận sau thuế ("LNST") chưa phân phối	19	19.909.067.926	2.784.986.107
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế của các năm trước		-	1.431.684.643
421b	- LNST chưa phân phối năm nay		19.909.067.926	1.353.301.464
440	TỔNG NGUỒN VỐN		836.848.795.029	541.822.196.725

Phạm Thị Huyền Trang

Phạm Thị Huyền Trang
Người lập

Nguyễn Danh Hiếu

Nguyễn Danh Hiếu
Kế toán trưởng



Dương Thục Linh
Phó Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁO DỤC THÀNH THÀNH CÔNG

Mẫu số B 02 – DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Mã số	Thuyết minh	Tại ngày	
		31.03.2018 VND	30.06.2017 VND
01	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	19.291.764.038	39.175.748.815
02	Các khoản giảm trừ doanh thu	(18.990.000)	(28.388.000)
10	Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	19.272.774.038	39.147.360.815
11	Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	(28.181.355.020)	(40.148.254.563)
20	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	(8.908.580.982)	(1.000.893.748)
21	Doanh thu hoạt động tài chính	64.544.793.879	35.492.552.198
22	Chi phí tài chính	(24.531.233.660)	(19.910.226.066)
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay	(24.531.233.660)	(15.850.305.472)
26	Chi phí quản lý doanh nghiệp	(10.641.112.136)	(12.451.961.454)
30	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	20.466.048.920	2.429.470.930
31	Thu nhập khác	5.763.667	25.415.694
32	Chi phí khác	(560.562.842)	(1.101.585.160)
40	Lỗ khác	(554.799.175)	(1.076.169.466)
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	19.909.067.926	1.353.301.464
51	Chi phí thuế TNDN hiện hành	27(a)	-
52	Thuế TNDN hoãn lại	27(b)	-
60	Lợi nhuận sau thuế TNDN	19.909.067.926	1.353.301.464



Phạm Thị Huyền Trang
Người lập



Nguyễn Danh Hiếu
Kế toán trưởng



Đương Thục Linh
Phó Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁO DỤC THÀNH THÀNH CÔNG

Mẫu số B 03 – DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	Thuyết minh	31.03.2018 VND	30.06.2017 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận trước thuế	19.909.067.926	7.634.972.000
Điều chỉnh cho các khoản:			
02	Khấu hao tài sản cố định ("TSCĐ")	10 1.364.796.379	1.939.838.819
03	Các khoản dự phòng		
05	Lãi từ hoạt động đầu tư	(61.892.117.333)	(33.697.712.249)
06	Chi phí lãi vay	24 19.766.296.766	15.852.765.472
07	Các khoản điều chỉnh khác	-	-
08	(Lỗ)/lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	(20.851.956.262)	(8.270.135.058)
09	Tăng/giảm các khoản phải thu	(37.241.835.890)	(6.103.821.352)
10	Tăng/giảm hàng tồn kho	531.675.047	(391.663.163)
11	Tăng/giảm các khoản phải trả	(17.259.374.492)	(1.469.052.527)
12	Tăng/giảm chi phí trả trước	359.570.855	(390.750.279)
14	Tiền lãi vay đã trả	(12.926.420.642)	(15.458.876.870)
17	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	(1.432.709.651)	(1.274.184.466)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	(88.821.051.035)	(33.358.483.715)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	(28.811.006.034)	(24.753.899.385)
22	Thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ		
23	Chi cho vay đơn vị khác	(453.513.000.000)	
24	Thu hồi cho vay đơn vị khác	380.103.000.000	
25	Chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	(154.721.178.362)	(37.516.590.304)
26	Thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	-
27	Tiền thu lãi cho vay và cổ tức	64.544.793.879	36.214.162.951
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(192.397.390.517)	(26.056.326.738)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Thu tiền từ phát hành cổ phiếu phổ thông		100.000.000.000
33	Tiền thu từ đi vay	29b 331.182.238.397	116.570.000.000
34	Chi trả nợ gốc vay	29c (44.212.500.000)	(146.939.000.000)
36	Chi trả cổ tức		(6.750.916.129)
40	Lưu chuyển thuần từ hoạt động tài chính	286.969.738.397	62.880.083.871
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	5.751.296.845	3.465.273.418
60	Tiền đầu năm	3 3.903.630.190	438.356.772
70	Tiền cuối năm	3 9.654.927.035	3.903.630.190

Phạm Thị Huyền Trang
Người lập

Nguyễn Danh Hiếu
Kế toán trưởng

Dương Thục Linh
Phó Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁO DỤC THÀNH THÀNH CÔNG

Mẫu số B 09 – DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CHO NĂM TÀI CHÍNH TẠI NGÀY 31 THÁNG 03 NĂM 2018

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Công ty Cổ phần Giáo dục Thành Thành Công (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại nước Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3601478519 cấp lần đầu ngày 25 tháng 12 năm 2008 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 15 ngày 30 tháng 6 năm 2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp.

Hoạt động chính của Công ty là cung cấp các dịch vụ giáo dục chung (từ tiểu học đến trung học phổ thông); giáo dục mầm non; dạy nghề; đào tạo đại học và cao đẳng; các loại hình giáo dục khác như tiếng nước ngoài và kỹ năng vi tính; cho thuê và kinh doanh bất động sản.

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2018, Công ty có 93 nhân viên

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

2.1 Cơ sở của việc lập báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính đã được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Báo cáo tài chính được lập theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước Việt Nam. Các nguyên tắc và thông lệ kế toán sử dụng tại nước Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

Ngoài ra, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất Công ty và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”) theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất Tập đoàn. Trong báo cáo tài chính hợp nhất, các công ty con là những công ty mà Tập đoàn kiểm soát các chính sách hoạt động và tài chính, đã được hợp nhất đầy đủ.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng của Công ty nên đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 để có đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và hoạt động lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn.

2.2 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 7 đến ngày 30 tháng 6.

2.3 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán và được trình bày trên báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (“VND”).

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

2.3 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán (tiếp theo)

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán lần lượt được quy đổi theo tỷ giá mua và tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch áp dụng tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng. Các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng được quy đổi theo tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

2.4 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

2.5 Khoản phải thu khách hàng

Các khoản phải thu khách hàng được thể hiện theo giá trị ghi trên hóa đơn gốc trừ dự phòng các khoản phải thu khó đòi được ước tính dựa trên việc rà soát của Ban Tổng Giám đốc đối với tất cả các khoản còn chưa thu tại thời điểm cuối năm. Các khoản nợ được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

2.6 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được thể hiện theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được xác định trên cơ sở bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí mua và các chi phí khác có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ. Dự phòng được lập cho hàng tồn kho bị lỗi thời, chậm luân chuyển và bị hỏng.

2.7 Đầu tư

(a) Đầu tư vào công ty con

Công ty con là những doanh nghiệp mà Công ty có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp, thường đi kèm là việc nắm giữ hơn một nửa quyền biểu quyết. Sự tồn tại và tính hữu hiệu của quyền biểu quyết tiềm tàng đang được thực thi hoặc được chuyển đổi sẽ được xem xét khi đánh giá liệu Công ty có quyền kiểm soát doanh nghiệp hay không.

Đầu tư vào công ty con được hạch toán theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi có sự giảm giá trị của các khoản đầu tư.

(b) Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là công ty trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải kiểm soát, thường được thể hiện thông qua việc nắm giữ từ 20% đến 50% quyền biểu quyết ở công ty đó.

Đầu tư vào công ty liên kết được hạch toán theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi có sự giảm giá trị của các khoản đầu tư.

2.8 Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá trừ khấu hao lũy kế. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được tài sản cố định.

Khấu hao và hao mòn

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính như sau:

Nhà cửa	5 - 35 năm
Thiết bị trường học	5 năm
Phần mềm máy tính	5 năm

Quyền sử dụng đất không thời hạn được ghi nhận theo giá gốc và không khấu hao.

Thanh lý

Lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý nhượng bán tài sản cố định được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

2.9 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê hoặc quản trị, hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác, được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí tập hợp bao gồm chi phí cho các chuyên gia và đối với tài sản đủ điều kiện, chi phí vay được ghi nhận phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Khấu hao của những tài sản này, cũng giống như các loại tài sản cố định khác, sẽ bắt đầu được trích khi tài sản đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

2.10 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán. Các khoản chi phí trả trước này được ghi nhận theo giá gốc và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

2.11 Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được phân loại dựa vào tính chất bao gồm:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ.
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng.

2.12 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đối với hoạt động xây dựng hoặc sản xuất bất kỳ tài sản đủ tiêu chuẩn sẽ được vốn hóa trong thời gian mà các tài sản này được hoàn thành và chuẩn bị đưa vào sử dụng. Chi phí đi vay khác được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

2.13 Chi phí phải trả

Bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của kỳ báo cáo.

2.14 Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi: Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại, pháp lý hoặc liên đới, phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra; việc thanh toán nghĩa vụ nợ có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí đi vay.

2.15 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp cổ phần của các cổ đông được ghi nhận theo số thực tế góp của các cổ đông. Vốn góp của chủ sở hữu được phản ánh theo mệnh giá của cổ phiếu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối: phản ánh kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo.

2.16 Phân chia lợi nhuận thuần

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam như sau:

(a) Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích lập từ lợi nhuận thuần của Công ty và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông.

(b) Chia cổ tức

Cổ tức của Công ty được ghi nhận là một khoản phải trả trong báo cáo tài chính của kỳ kế toán mà cổ tức được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông.

2.17 Ghi nhận doanh thu**(a) Doanh thu hoạt động giáo dục và đào tạo**

Doanh thu hoạt động giáo dục và đào tạo được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi dịch vụ giáo dục và đào tạo đã được cung cấp, bằng cách tính mức độ hoàn thành của từng giao dịch, dựa trên cơ sở đánh giá tỉ lệ dịch vụ đã cung cấp so với tổng khối lượng dịch vụ phải cung cấp. Doanh thu hoạt động giáo dục và đào tạo chỉ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn bốn điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

(b) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu không được ghi nhận khi có yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu về khả năng thu được tiền bán hàng hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu được ghi nhận phù hợp với bản chất hơn hình thức và được phân bổ theo nghĩa vụ cung ứng hàng hóa. Trường hợp Công ty dùng thành phẩm, hàng hóa để khuyến mãi cho khách hàng kèm theo điều kiện mua hàng của Công ty thì Công ty phân bổ số tiền thu được để tính doanh thu cho cả hàng khuyến mãi và giá trị hàng khuyến mãi được tính vào giá vốn hàng bán.

(c) Doanh thu cho thuê

Thu nhập cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong thời gian cho thuê.

(d) Thu nhập lãi

Thu nhập lãi được ghi nhận khi được hưởng.

(e) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi Công ty xác lập quyền nhận cổ tức từ các đơn vị đầu tư.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.18 Giá vốn

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong kỳ, được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

2.19 Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của Công ty chủ yếu bao gồm [các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài; chi phí bằng tiền khác.

2.20 Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm toàn bộ số thuế thu nhập tính trên thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp, kể cả các khoản thu nhập nhận được từ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa dịch vụ tại nước ngoài mà Việt Nam chưa ký hiệp định về tránh đánh thuế hai lần. Chi phí thuế thu nhập bao gồm chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp hoặc thu hồi được tính trên thu nhập chịu thuế theo thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của năm hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng kỳ hay một kỳ khác.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính đầy đủ, sử dụng phương thức công nợ, tính trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên các báo cáo tài chính riêng và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục này. Thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận khi nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không phải là giao dịch sáp nhập doanh nghiệp, không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập tại thời điểm phát sinh giao dịch. Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính được áp dụng trong niên độ mà tài sản được thu hồi hoặc khoản nợ phải trả được thanh toán dựa trên thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày của bảng cân đối kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi có khả năng sẽ có lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁO DỤC THÀNH THÀNH CÔNG

Mẫu số B 09 – DN

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.21 Các bên liên quan

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những cá nhân quản lý chủ chốt bao gồm Giám đốc Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, Công ty căn cứ vào bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3 TIỀN

	31.03.2018	30.06.2017
	VND	VND
Tiền mặt	21.383.320	32.010.244
Tiền gửi ngân hàng	9.633.543.715	3.871.619.946
	<u>9.654.927.035</u>	<u>3.903.630.190</u>

4 PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31.03.2018	30.06.2017
	VND	VND
Bên thứ ba		2.827.986
Bên liên quan (Thuyết minh 30(b))	1.227.835.152	3.101.913.604
	<u>1.227.835.152</u>	<u>3.104.741.590</u>

Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng này, Công ty không có khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng nào quá hạn hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi.

CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁO DỤC THÀNH THÀNH CÔNG

Mẫu số B 09 – DN

5 TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31.03.2018 VND	30.06.2017 VND
Bên thứ ba		
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Giao thông Vận tải	-	3.000.000.000
Công ty Cổ phần Xây dựng Phát triển Đầu tư An Phúc	3.018.479.179	1.128.077.586
Công ty TNHH Phần mềm và tư vấn Kim Tự Tháp	1.466.560.000	
Các bên thứ ba khác	1.303.406.209	1.950.661.451
Bên liên quan (Thuyết minh 30(b))	19.692.818	280.332.815
	<u><u>5.808.138.206</u></u>	<u><u>6.359.071.852</u></u>

Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng này, Công ty không có khoản trả trước cho người bán nào khó có khả năng thu hồi.

6 PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

Phải thu về cho vay ngắn hạn phản ánh các khoản cho vay tín chấp cho bên liên quan và hưởng lãi suất năm 11%.

Biến động các khoản phải thu về cho vay ngắn hạn trong năm như sau:

	31.03.2018 VND	30.06.2017 VND
Số dư đầu năm	40.223.171.144	19.000.000.000
Tiền cho vay	453.513.000.000	59.340.000.000
Tiền thu hồi khoản cho vay	(380.103.000.000)	(38.116.828.856)
Số dư cuối năm	<u><u>113.633.171.144</u></u>	<u><u>40.223.171.144</u></u>

Chi tiết các khoản phải thu về cho vay ngắn hạn như sau:

	31.03.2018 VND	30.06.2017 VND
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Giải trí Thịnh Thiên Mã	9.383.171.144	9.383.171.144
Bên liên quan (Thuyết minh 30(b))	104.250.000.000	30.840.000.000
	<u><u>113.633.171.144</u></u>	<u><u>40.223.171.144</u></u>

CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁO DỤC THÀNH THÀNH CÔNG

Mẫu số B 09 – DN

7 PHẢI THU KHÁC

	31.03.2018		30.06.2017	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
(a) Ngắn hạn				
Bên thứ ba				
Tạm ứng cho nhân viên	14.655.181.154	-	1.312.697.474	
Khác	6.550.225.073	(616.951.369)	617.725.103	(616.951.369)
	<u>21.205.406.227</u>	<u>(616.951.369)</u>	<u>1.930.422.577</u>	<u>(616.951.369)</u>
Bên liên quan (Thuyết minh 30(b))				
Phải thu cổ tức	25.197.711.986	-	12.549.197.515	-
Phải thu lãi cho vay	7.068.030.858	-	4.020.236.536	
Khác	2.723.527.463	-	-	
	<u>34.989.270.307</u>	<u>-</u>	<u>6.569.434.051</u>	
	<u>56.194.676.534</u>	<u>(616.951.369)</u>	<u>18.499.856.628</u>	<u>(616.951.369)</u>
(b) Dài hạn				
Phải thu đầu tư		-	275.200.000	-
Ký quỹ, ký cược	4.716.073.744	-	2.227.800.000	-
	<u>4.716.073.744</u>	<u>-</u>	<u>2.503.000.000</u>	<u>-</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁO DỤC THÀNH THÀNH CÔNG

Mẫu số B 09 – DN

8 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

(a) Ngắn hạn

	31.03.2018 VND	30.06.2017 VND
Công cụ, dụng cụ	755.864.025	152.139.480
Chi phí khác	-	48.656.451
	<u>755.864.025</u>	<u>200.795.931</u>

(b) Dài hạn

	31.03.2018 VND	30.06.2017 VND
Công cụ, dụng cụ	<u>2.485.495.285</u>	<u>3.400.134.234</u>

Biến động chi phí trả trước trong năm như sau:

	31.03.2018 VND	30.06.2017 VND
Số dư đầu năm	3.600.930.165	3.210.179.886
Tăng trong năm	7.832.815.340	5.161.756.881
Phân bổ trong năm	(8.192.386.195)	(4.549.006.605)
Thanh lý trong năm		(221.999.997)
Số dư cuối năm	<u>3.241.359.310</u>	<u>3.600.930.165</u>

9 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	31.03.2018 VND	30.06.2017 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	<u>415.021.059</u>	<u>415.021.059</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁO DỤC THÀNH THÀNH CÔNG

Mẫu số B 09 – DN

10 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

(a) Tài sản cố định hữu hình

10(a)	Tài sản cố định hữu hình	Nhà cửa	Thiết bị trường học	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	Tổng cộng
	Nguyên giá					
	Tại ngày 1 tháng 7 năm 2017	41,532,569,903	873,903,271	-	1,592,289,000	43,998,762,174
	Tăng tài sản khác	-	1,356,584,382	-	200,303,400	1,556,887,782
	Xây dựng cơ bản mới hoàn thành	-	-	-	-	-
	Chuyển sang bất động sản đầu tư	-	-	-	-	-
	Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
	Giảm tài sản khác	(2,654,536,339)	(976,783,271)	-	(380,604,400)	(4,011,924,010)
222	Tại ngày 31 tháng 03 năm 2018	38,878,033,564	1,253,704,382	-	1,411,988,000	41,543,725,946
	Khấu hao lũy kế					
	Tại ngày 1 tháng 7 năm 2017	4,149,703,725	439,869,144	-	274,207,340	4,863,780,209
	Khấu hao trong năm	20,532,378	(298,027,721)	-	212,289,204	(65,206,139)
	Chuyển sang bất động sản đầu tư	-	-	-	-	-
	Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
223	Tại ngày 31 tháng 03 năm 2018	4,170,236,103	141,841,423	-	486,496,544	4,798,574,070
	Giá trị còn lại					
	Tại ngày 1 tháng 7 năm 2017	37,382,866,178	434,034,127	-	1,318,081,660	39,134,981,965
221	Tại ngày 31 tháng 03 năm 2018	34,707,797,461	1,111,862,959	-	925,491,456	36,745,151,876

CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁO DỤC THÀNH THÀNH CÔNG

Mẫu số B 09 – DN

10 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH (tiếp theo)

(b) Tài sản cố định vô hình

10(b)	Tài sản cố định vô hình	Quyền sử dụng đất	Bản quyền	Phần mềm	Tổng cộng
	Nguyên giá				
	Tại ngày 1 tháng 7 năm 2017	18,095,214,853	144,814,000	137,033,700	18,377,062,553
	Mua trong năm	-	-	1,004,000,000	1,004,000,000
	Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-
	Giảm tài sản khác	-	(144,814,000)	-	(144,814,000)
228	Tại 31 tháng 03 năm 2018	18,095,214,853	-	1,141,033,700	19,236,248,553
	Khấu hao lũy kế				
	Tại ngày 1 tháng 7 năm 2017	-	-	27,406,740	27,406,740
	Khấu hao trong năm	-	-	70,755,054	70,755,054
	Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-
229	Tại 31 tháng 03 năm 2018	-	-	98,161,794	98,161,794
	Giá trị còn lại				
	Tại ngày 1 tháng 7 năm 2017	18,095,214,853	144,814,000	109,626,960	18,349,655,813
227	Tại 31 tháng 03 năm 2018	18,095,214,853	-	1,042,871,906	19,138,086,759

11 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỨ DANG

	31.03.2018 VND	30.06.2017 VND
Số dư đầu năm	50.022.890.079	42.129.367.385
Tăng trong năm	31.907.618.849	23.865.048.085
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình (Thuyết minh 10(a))		(7.397.122.538)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình (Thuyết minh 10(b))		(8.574.402.853)
	(5.512.686.597)	
Chuyển sang giá trị góp vốn		-
Số dư cuối năm	<u><u>76.417.822.331</u></u>	<u><u>50.022.890.079</u></u>

CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁO DỤC THÀNH THÀNH CÔNG

Mẫu số B 09 – DN

11 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG (tiếp theo)

Chi tiết số dư các công trình xây dựng cơ bản dở dang cuối năm như sau:

	31.03.2018 VND	30.06.2017 VND
Trung tâm Đào tạo Ngoại ngữ và Phục vụ Giáo dục (*)	27.149.452.094	27.149.452.094
Dự án Trường Mầm non Bến Tre	48.547.191.442	21.422.093.417
Dự án Trường THPT Lê Quý Đôn 3	-	687.950.000
Trung Tâm Ngoại ngữ - Tin học tư duy toàn cầu TTC	-	332.771.773
Mở rộng và nâng cấp Đại học Yersin Đà Lạt	306,971,479	306.971.479
Dự án Trường mầm non Abi Quốc tế Sài Gòn	412.731.316	123.651.316
	<u>76.417.822.331</u>	<u>50.022.890.079</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁO DỤC THÀNH THÀNH CÔNG

Mẫu số B 09 – DN

12 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Tỷ lệ sở hữu %	Giá gốc VND	31.03.2018		Dự phòng VND
			Giá trị hợp lý VND		
(a) Đầu tư vào công ty con					
Trường TH – THCS – THPT Thái Bình Dương	100	25.000.000.000	(*)		-
Trường Mầm non Tư thục Quốc tế ABI Đồng Nai	100	1.139.054.816	(*)		-
Trường Mầm non Tư thục Quốc tế ABI Bình Dương	100	2.000.000.000	(*)		-
Trường THPT Lê Quý Đôn	100	81.715.998.029	(*)		-
Trường TH – THCS Lê Quý Đôn	100	35.284.001.971	(*)		-
Trường THCS – THPT Tân Phú	100	72.500.000.000	(*)		-
Trường TH – THCS – THPT Trịnh Hoài Đức	100	16.600.000.000	(*)		-
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Đồng Nai	89,83	26.843.561.500	(*)		(3.198.547.311)
Trường Cao đẳng Công nghệ và Quản trị Sonadezi	60	51.290.497.109	(*)		-
Trường THPT Lê Quý Đôn- Long Bình Tân	100	5.265.528.171	(*)		-
Trường MN Quốc Tế Abi Bến Tre	100	2.800.000.000	(*)		-
Trường Mầm Non Abi Đồng Nai	100	4.388.311.388	(*)		-
Trường Mầm Non Abi Đồng Nai 2	100	1.930.274.857	(*)		-
CTy TNHH MTV Giáo Dục Thành Thành Công - Tây Ninh	100	45.000.000.000	(*)		-
Trường Mầm Non Abi	100	18.600.000.000	(*)		-
Trường Mầm Non Abi 2	100	11.400.000.000	(*)		-
CTy TNHH MTV Phát Triển Giáo Dục 590	100	20.000.000.000	(*)		-
Trường Đại học Yersin Đà Lạt (**)	81,96	88.657.340.304	(*)		-
Công ty TNHH MTV Học viện Thành Thành Công (***)	100	566.000.000	(*)		(558.913.283)
Công ty TNHH Một thành viên Học viện TTC (****)		200.000.000			
Trung Tâm Ngoại ngữ- tin học toàn cầu TTC		452.663.946	(*)		-
		511.633.232.091			(3.757.460.594)

CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁO DỤC THÀNH THÀNH CÔNG

Mẫu số B 09 – DN

12 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

- (*) Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này do chưa có đầy đủ thông tin cần thiết về giá trị hợp lý.
- (**) Căn cứ vào thỏa thuận của các cổ đông, tại ngày 1 tháng 10 năm 2016. Công ty hoàn tất thủ tục chuyển nhượng và chính thức nắm quyền kiểm soát đối với trường Đại học Yersin Đà Lạt tương ứng với tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết là 50.41%. Trong năm, Công ty tiếp tục đầu tư vào trường Đại học Yersin Đà Lạt để tăng tỷ lệ lợi ích nắm giữ tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 là 81.96%.
- (***) Công ty thành lập theo giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3603427647 ngày 9 tháng 12 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp, với vốn điều lệ là 566.000.000 đồng. Vào ngày 24 tháng 4 năm 2017, Ban Tổng Giám đốc công ty đã quyết định giải thể doanh nghiệp. Tại ngày phê duyệt báo cáo tài chính này, thủ tục giải thể vẫn đang được tiến hành.
- (****) Công ty thành lập theo giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0314290652 ngày 15 tháng 3 năm 2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp, với vốn điều lệ là 1.000.000.000 đồng.

13 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31.03.2018 VND	30.06.2017 VND
Bên thứ ba	149.412.511	286.794.998
Bên liên quan	2.452.296.548	23.598.440.154
	<u>2.601.709.059</u>	<u>23.885.235.152</u>

14 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31.03.2018 VND	30.06.2017 VND
Thuế thu nhập cá nhân	124.379.958	57.157.204
	<u>124.379.958</u>	<u>57.157.204</u>

Tình hình biến động trong năm của thuế và các khoản khác phải nộp Nhà nước như sau:

	Tại ngày 1.7.2017 VND	Số phải nộp VND	Số đã nộp VND	Cán trừ VND	Tại ngày 31.03.2018 VND
Thuế GTGT	-	633.870.679	-	(633.870.679)	-
Thuế thu nhập cá nhân	57.157.204	984.215.463	(916.992.709)	-	124.379.958
	<u>57.157.204</u>	<u>1.618.086.142</u>	<u>(916.992.709)</u>	<u>(633.870.679)</u>	<u>124.379.958</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁO DỤC THÀNH THÀNH CÔNG

Mẫu số B 09 – DN

15 CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31.03.2018 VND	30.06.2017 VND
Lãi vay phải trả	7.400.431.391	560.555.267
Chi phí nhân viên	879.692.507	1.325.441.000
Khác	260.333.333	554.089.184
	<u>8.540.457.231</u>	<u>2.440.085.451</u>

16 PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31.03.2018 VND	30.06.2017 VND
Bên thứ ba		
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn	268.582.853	80.253.665
Cổ tức phải trả cho cổ đông thiểu số	125.854	5.719.415
Chi phí lãi vay phải trả		15.816.667
Khác	390.676.074	45.934.167
	<u>659.258.927</u>	<u>147.723.914</u>
Bên liên quan (Thuyết minh 30(b))		
Cổ tức phải trả	6.750.916.129	6.745.071.130
Cổ tức đã nhận thừa phải trả		688.112.531
Chi phí lãi vay phải trả	1.272.739.636	319.280.915
Lãi phạt do trả chậm		177.882.761
Học phí thu hộ		74.450.000
Phải trả khác	4.400.000.000	-
	<u>12.423.655.765</u>	<u>8.004.797.337</u>
	<u>13.082.914.692</u>	<u>8.152.521.251</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁO DỤC THÀNH THÀNH CÔNG

Mẫu số B 09 – DN

17 CÁC KHOẢN VAY

	Tại ngày 30.6.2017 VND	Tăng VND	Giảm VND	Phân loại VND	Tại ngày 31.03.2018 VND
(a) Vay ngắn hạn					
Vay ngân hàng (****)					
Ngân hàng TMCP Phương Đông – Chi nhánh Tân Bình (“OCB”)	10.000.000.000	10.000.000.000	(10.000.000.000)	-	10.000.000.000
Vay bên thứ ba (*)	1.900.000.000	-	(1.900.000.000)	-	-
Vay cá nhân (**)	1.300.000.000	-	(1.300.000.000)	-	-
Vay các bên liên quan (Thuyết minh 30(b)(viii))	790.000.000	90.382.238.397	(17.100.000.000)	-	74.072.238.397
Vay dài hạn đến hạn trả	12.450.000.000	-	(8.962.500.000)	7.475.000.000	10.962.500.000
	26.440.000.000	100.382.238.397	(39.262.500.000)	7.475.000.000	95.034.738.397
(b) Vay và nợ dài hạn					
Vay ngân hàng (****)					
OCB	117.075.000.000	-	(7.462.500.000)	-	109.612.500.000
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Bình Tây (“VCB”)	17.000.000.000	-	(1.500.000.000)	-	15.500.000.000
	134.075.000.000	-	(8.962.500.000)	-	125.112.500.000
Vay các bên liên quan (Thuyết minh 30(b)(ix))	3.250.000.000	-	(3.250.000.000)	-	-
Phát hành trái phiếu (***)	1.000.000.000	229.100.000.000	-	-	230.100.000.000
	138.325.000.000	229.100.000.000	(12.212.500.000)	-	335.212.500.000
Vay dài hạn đến hạn trả					
OCB	(10.450.000.000)	7.462.500.000	-	(5.975.000.000)	(8.962.500.000)
VCB	(2.000.000.000)	1.500.000.000	-	(1.500.000.000)	(2.000.000.000)
	(12.450.000.000)	8.962.500.000	-	(7.475.000.000)	(10.962.500.000)
	125.875.000.000	238.062.500.000	(12.212.500.000)	(7.475.000.000)	344.250.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁO DỤC THÀNH THÀNH CÔNG

Mẫu số B 09 – DN

17 CÁC KHOẢN VAY (tiếp theo)

- (*) Khoản vay bên thứ ba là khoản vay từ Công ty Cổ phần Global Mind Việt Nam, cổ đông của Công ty, chịu mức lãi suất 10,5% mỗi năm và không có tài sản đảm bảo.
- (**) Khoản vay cá nhân chịu mức lãi suất 6% mỗi năm và không có tài sản đảm bảo.
- (***) Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017, Công ty đã phát hành 1.500.000 trái phiếu với mệnh giá 100.000 đồng/trái phiếu. Trái phiếu được trả lãi định kỳ 6 tháng một lần với lãi suất 10%/năm cho 2 kỳ đầu tiên, từ kỳ thứ 3 trở đi bằng trung bình cộng của lãi suất tiết kiệm cá nhân 12 tháng của các ngân hàng quy định trong hợp đồng, cộng với biên độ lãi suất 3,5% một năm. Trái phiếu có thời hạn 5 năm và đáo hạn tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, được bảo lãnh thanh toán bởi Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công, và đảm bảo bằng tài sản của bà Đặng Huỳnh Ước My, Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công và Công ty Cổ phần Global Mind Việt Nam.
 Vào ngày 29 tháng 12 năm 2017, Công ty đã phát hành 801.000 trái phiếu với mệnh giá 100.000 đồng/trái phiếu. Trái phiếu được trả lãi định kỳ 6 tháng một lần với lãi suất 10%/năm cho 2 kỳ đầu tiên, từ kỳ thứ 3 trở đi bằng trung bình cộng của lãi suất tiết kiệm cá nhân 12 tháng của các ngân hàng quy định trong hợp đồng, cộng với biên độ lãi suất 3,5% một năm. Trái phiếu có thời hạn 5 năm và đáo hạn tại ngày 29 tháng 12 năm 2022, được bảo lãnh thanh toán bởi Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công và đảm bảo bằng tài sản của ông Huỳnh Đăng Khoa.

Chi tiết số dư trái phiếu cuối kỳ/năm như sau:

	31.03.2018 VND	30.06.2017 VND
Công ty TNHH Chứng khoán Kỹ Thương (TCBS)	160.000.000.000	-
Quỹ đầu tư Trái phiếu Techcom (TCBF)	44.000.000.000	-
Ngân Hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam	25.000.000.000	-
Bà Phan Thị Thanh Thảo	1.000.000.000	1.000.000.000
Bà Chung Thị Mỹ Dung	100.000.000	-
	<u>230.100.000.000</u>	<u>1.000.000.000</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁO DỤC THÀNH THÀNH CÔNG

Mẫu số B 09 – DN

17 CÁC KHOẢN VAY (tiếp theo)

(****) Chi tiết số dư các khoản vay ngân hàng cuối kỳ/năm như sau:

Ngân hàng	31.03.2018 VND	30.6.2017 VND	Ngày đáo hạn	Lãi suất %/năm	Tài sản đảm bảo
OCB	10.000.000.000	10.000.000.000	Ngày 27 tháng 12 năm 2018	Lãi suất tiết kiệm 6 tháng của ngân hàng + tối thiểu 2,4%/năm	Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc sở hữu của Công ty (Thuyết minh 10 và 11)
VCB	15.500.000.000	17.000.000.000	Từ ngày 2 tháng 2 năm 2016 đến ngày 26 tháng 12 năm 2025	Năm 1: 7,2% Năm 2 trở đi: lãi suất tiết kiệm 12 tháng của ngân hàng + 2,8%	Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc sở hữu của Trường THPT Lê Quý Đôn
OCB	79.000.000.000	83.500.000.000	Từ ngày 24 tháng 12 năm 2015 đến ngày 29 tháng 12 năm 2024	6 tháng đầu: 8,9%/năm Tháng thứ 7 trở đi: lãi suất tiết kiệm 12 tháng của ngân hàng + tối thiểu 3,1%/năm	Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc sở hữu của Trường THCS - THPT Tân Phú
OCB	30.612.500.000	33.575.000.000	Từ ngày 27 tháng 11 năm 2015 đến ngày 2 tháng 12 năm 2025	6 tháng đầu: 8,9%/năm Tháng thứ 7 trở đi: lãi suất tiết kiệm 12 tháng của ngân hàng + tối thiểu 3,1%/năm	Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc sở hữu của Công ty (Thuyết minh 10 và 11) Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc sở hữu của Trường THCS - THPT Tân Phú
	<u>135.112.500.000</u>	<u>144.075.000.000</u>			

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2018 và 30 tháng 6 năm 2017, Công ty không có khoản vay nào bị quá hạn thanh toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁO DỤC THÀNH THÀNH CÔNG

Mẫu số B 09 – DN

18 VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU

(a) Số lượng cổ phiếu

	31.03.2018		30.06.2017	
	Số cổ phiếu	Vốn góp VND	Số cổ phiếu	Vốn góp VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký, đã phát hành và đang lưu hành	35.000.000	350.000.000.000	35.000.000	350.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 đồng. Công ty không có cổ phiếu ưu đãi.

(b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	31.03.2018		30.06.2017	
	Cổ phiếu phổ thông	%	Cổ phiếu phổ thông	%
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	27.922.500	79.78	25.421.667	72.63
Công ty Cổ phần Đầu tư Kiến Trúc Xây Dựng Toàn Thịnh Phát	5.000.000	14.29	5.000.000	14.29
Bà Đặng Huỳnh Úc My	1.977.500	5.65	2.350.833	6.72
Công ty Cổ phần Global Mind Việt Nam (trước đây là "Công ty TNHH TM Đầu tư Thuận Thiên")	-	-	1.977.500	5.65
Khác	100.000	0.29	250.000	0.71
	<u>35.000.000</u>	<u>100.00</u>	<u>35.000.000</u>	<u>100.00</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁO DỤC THÀNH THÀNH CÔNG

Mẫu số B 09 – DN

19 TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	LNST chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 1 tháng 7 năm 2015	250.000.000.000	3.596.123.772	253.596.123.772
Lợi nhuận trong năm	-	25.600.042.358	25.600.042.358
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	(1.332.145.777)	(1.332.145.777)
Chia cổ tức trong năm	-	(18.545.091.251)	(18.545.091.251)
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016	250.000.000.000	9.318.929.102	259.318.929.102
Tăng vốn trong năm (*)	100.000.000.000	-	100.000.000.000
Lợi nhuận trong năm	-	1.353.301.464	1.353.301.464
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	(1.136.328.330)	(1.136.328.330)
Chia cổ tức trong năm (**)	-	(6.750.916.129)	(6.750.916.129)
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017	350.000.000.000	2.536.062.926	352.784.986.107
Lợi nhuận trong năm		19.909.067.926	19.909.067.926
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi		(2.784.986.107)	(2.784.986.107)
Tại ngày 31 tháng 03 năm 2018			369.909.067.926

(*) Hội đồng Quản trị của Công ty đã thông qua kết quả phát hành thêm cổ phần để tăng vốn điều lệ của Công ty từ 250 tỷ đồng lên 300 tỷ đồng vào ngày 28 tháng 7 năm 2016, và từ 300 tỷ đồng lên 400 tỷ đồng vào ngày 26 tháng 10 năm 2016. Tuy nhiên, tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, công ty chỉ mới tăng vốn lên đến 350 tỷ đồng.

(**) Thực hiện theo Nghị quyết số 11/2016/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 10 năm 2016.

20 CỔ TỨC PHẢI TRẢ

Biến động cổ tức phải trả trong kỳ như sau:

	31.03.2018 VND	30.06.2017 VND
Số dư đầu năm	6.750.790.545	17.835.251.659
Cổ tức phải trả trong năm (Thuyết minh 20)		6.750.916.129
Cổ tức đã chi trả bằng tiền		(17.835.377.243)
Số dư cuối năm (Thuyết minh 17)	6.750.790.545	6.750.790.545

CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁO DỤC THÀNH THÀNH CÔNG

Mẫu số B 09 – DN

21 DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Kỳ báo cáo 9 tháng	
	31.03.2018 VND	30.06.2017 VND
Doanh thu		
Doanh thu từ hoạt động giáo dục	18.423.783.398	37.574.008.583
Doanh thu cho thuê	815.120.640	1.222.680.960
Doanh thu bán hàng	52.860.000	379.059.272
	<u>19.291.764.038</u>	<u>39.175.748.815</u>
Các khoản giảm trừ		
Giảm trừ học phí	(18.990.000)	(28.388.000)
Doanh thu thuần		
Doanh thu thuần từ hoạt động giáo dục	18.404.793.398	37.545.620.583
Doanh thu thuần cho thuê	815.120.640	1.222.680.690
Doanh thu thuần bán hàng	52.860.000	379.059.272
	<u><u>19.272.774.038</u></u>	<u><u>39.147.360.815</u></u>

22 GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Kỳ báo cáo 9 tháng	
	31.03.2018 VND	30.06.2017 VND
Chi phí lương	22.279.782.780	23.531.161.070
Chi phí thực phẩm	-	3.637.661.993
Công cụ, dụng cụ	2.228.943.263	3.740.727.188
Chi phí thuê	1.215.826.208	3.782.162.463
Chi phí khấu hao và phân bổ	1.234.574.090	1.893.838.102
Khác	1.222.228.679	3.184.285.747
	<u><u>28.181.335.020</u></u>	<u><u>40.148.254.563</u></u>

CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁO DỤC THÀNH THÀNH CÔNG

Mẫu số B 09 – DN

23 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Kỳ báo cáo 9 tháng	
	31.03.2018	30.06.2017
	VND	VND
Cổ tức và lợi nhuận được chia	56.406.721.425	34.139.143.788
Lãi cho vay	8.122.065.819	1.337.849.529
Lãi tiền gửi	16.006.635	14.848.881
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện		710.000
	<u>64.544.793.879</u>	<u>35.492.552.198</u>

24 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Kỳ báo cáo 9 tháng	
	31.03.2018	30.06.2017
	VND	VND
Chi phí lãi vay	24.531.233.660	15.850.305.472
Dự phòng các khoản đầu tư		3.757.460.594
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện		2.460.000
	<u>24.531.233.660</u>	<u>19.610.226.066</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁO DỤC THÀNH THÀNH CÔNG

Mẫu số B 09 – DN

25 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Kỳ báo cáo 9 tháng	
	31.03.2018 VND	30.06.2017 VND
Chi phí nhân viên	4.408.193.734	6.999.030.321
Công cụ, dụng cụ	379,093,090	825.782.699
Chi phí khấu hao TSCĐ	43.491.843	46.000.717
Chi phí thuê	1.629.214.464	1.794.472.619
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	4.181.119.005	2.786.675.098
	<u>10.641.112.136</u>	<u>12.451.961.454</u>

26 CHI PHÍ KHÁC

	Kỳ báo cáo 9 tháng	
	31.03.2018 VND	30.06.2017 VND
Lỗ do thanh lý tài sản	-	-
Tiền phạt trả chậm	560.508.953	1.073.427.325
Tiền phạt		17.135.298
Khác		11.022.537
	<u>560.508.953</u>	<u>1.101.585.160</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁO DỤC THÀNH THÀNH CÔNG

Mẫu số B 09 – DN

27 THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

(a) Thuế thu nhập doanh nghiệp (“TNDN”) hiện hành

Số thuế TNDN trên lợi nhuận trước thuế của Công ty khác với số thuế TNDN khi được tính theo thuế suất phổ thông áp dụng như sau:

	Kỳ báo cáo 9 tháng	
	31.03.2018 VND	30.06.2017 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	19.909.067.926	1.353.301.464
Thuế tính theo thuế suất 20%	3.231.543.758	270.660.293
Điều chỉnh:		
Thu nhập không chịu thuế	(11.281.344.285)	(6.827.828.758)
Chi phí không được trừ	112.101.791	135.242.224
Chênh lệch tạm thời và lỗ tính thuế không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại	7.178.428.909	6.421.926.241
Chi phí thuế TNDN (*)	-	-

(*) Chi phí thuế TNDN trong năm được ước tính dựa vào thu nhập chịu thuế và có thể có những điều chỉnh tùy thuộc vào sự kiểm tra của cơ quan thuế.

(b) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên khả năng thu được thu nhập chịu thuế trong tương lai để cân trừ các khoản chênh lệch tạm thời đã phát sinh này.

Các khoản lỗ tính thuế có thể được chuyển sang để bù trừ với thu nhập chịu thuế trong tương lai trong vòng 5 năm liên tiếp kể từ năm ngay sau năm phát sinh lỗ. Số lỗ thực tế được chuyển qua các năm sau cho mục đích thuế sẽ phụ thuộc vào việc kiểm tra và chấp thuận của cơ quan thuế và có thể chênh lệch so với số liệu được trình bày trong báo cáo tài chính. Các khoản lỗ ước tính có thể bù trừ vào thu nhập chịu thuế trong tương lai của Công ty như sau:

Năm/kỳ phát sinh	Tình trạng kiểm tra của cơ quan thuế	Số lỗ phát sinh VND
2014	Chưa quyết toán	212.204.463
2015	Chưa quyết toán	889.803.955
Từ ngày 1 tháng 1 năm 2016 đến ngày 30 tháng 6 năm 2016	Chưa quyết toán	7.285.426.415
Từ ngày 1 tháng 7 năm 2016 đến ngày 30 tháng 6 năm 2017	Chưa quyết toán	32.109.631.205
Từ ngày 1 tháng 7 năm 2017 đến ngày 31 tháng 3 năm 2018	Chưa quyết toán	36.497.653.499

CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁO DỤC THÀNH THÀNH CÔNG

Mẫu số B 09 – DN

27 THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

(b) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Công ty không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại đối với các khoản lỗ tính thuế trên vì khả năng Công ty có thu nhập chịu thuế trong tương lai để bù trừ với những khoản lỗ tính thuế này được đánh giá là không chắc chắn.

Ban Tổng Giám đốc đánh giá không có chênh lệch tạm thời đáng kể khác giữa cơ sở kế toán và cơ sở tính thuế do đó không ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại.

28 CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Kỳ báo cáo 9 tháng	
	31.03.2018	30.06.2017
	VND	VND
Chi phí nhân viên	26.687.976.514	30.530.191.391
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.051.232.495	7.556.099.773
Chi phí công cụ, dụng cụ	2.608.036.353	4.548.988.727
Giá vốn hàng bán	-	378.418.000
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.278.065.933	1.939.838.819
Chi phí khác	3.197.155.861	7.646.679.307
	38.822.467.156	52.600.216.017

29 THUYẾT MINH CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (“BCLCTT”)

(a) Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến BCLCTT

	Kỳ báo cáo 9 tháng	
	31.03.2018	30.06.2017
	VND	VND
Mua phần vốn góp ở công ty con chưa thanh toán	30.000.000.000	-
Góp vốn đầu tư vào các công ty con bằng tài sản	5.495.565.279	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận thuần	2.784.986.107	-
	38.280.551.386	-

(b) Số tiền đi vay thực thu trong kỳ

	Kỳ báo cáo 9 tháng	
	31.03.2018	30.06.2017
	VND	VND
Vay theo kế ước thông thường	102.182.238.397	17.000.000.000
Phát hành trái phiếu thường	229.000.000.000	-
	331.182.238.397	17.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁO DỤC THÀNH THÀNH CÔNG

Mẫu số B 09 – DN

(c) Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ

	Kỳ báo cáo 9 tháng	
	31.03.2018	30.06.2017
	VND	VND
Vay theo kế ước thông thường	44.212.500.000	47.434.000.000

30 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong kỳ/năm, Công ty có các giao dịch và số dư với các bên liên quan sau:

Công ty mẹ

Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công

Cổ đông

Bà Đặng Huỳnh Úc My

Công ty con

Trường Mầm non ABI

Trường Mầm non ABI 2

Trường Mầm non ABI Bến Tre

Trường Mầm non ABI Đồng Nai 1

Trường Mầm non ABI Đồng Nai 2

Trường Mầm non Quốc tế ABI Bình Dương

Trường Mầm non Quốc tế ABI Đồng Nai

Trường TH - THCS - THPT Thái Bình Dương

Trường THPT Lê Quý Đôn - Long Bình Tân

Trường THCS - THPT Tân Phú

Trường THPT Lê Quý Đôn

Trường TH - THCS - THPT Trịnh Hoài Đức

Trường TH - THCS Lê Quý Đôn

Trường Cao đẳng Công nghệ và Quản trị Sonadezi

Trường Đại học Yersin Đà Lạt

Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Đồng Nai

Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học Global Mind

Công ty TNHH MTV Học viện Thành Thành Công

Công ty TNHH MTV Học viện TTC

Công ty thành viên cùng Tập đoàn

Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công

Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công - Chi nhánh Lâm Đồng

Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công Lâm Đồng

Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công - Trung tâm lễ hành tại Bình Thuận

Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công Lâm Đồng - Khách sạn Ngọc Lan

Công ty Cổ phần Thành Thành Nam

Công ty Cổ phần Mía đường Tây Ninh

CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁO DỤC THÀNH THÀNH CÔNG

Mẫu số B 09 – DN

30 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(a) Giao dịch với các bên liên quan

Trong kỳ/năm, các giao dịch trọng yếu sau đây được thực hiện với các bên liên quan:

	Kỳ báo cáo 9 tháng	
	31.03.2018	30.06.2017
	VND	VND
i) Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Công ty con		
Trường THPT Lê Quý Đôn	3.800.000.000	3.000.000.000
Trường Tiểu học - THCS Lê Quý Đôn	3.100.000.000	2.400.000.000
Trường THCS-THPT Tân Phú	650.000.000	
Trường TH-THCS-THPT Thái Bình Dương	750.000.000	
Trường Mầm non Quốc tế ABI Bình Dương	1.003.213.648	611.340.480
Trường Mầm non Tư thục Quốc tế ABI Đồng Nai	243.671.547	-
	<u>9.546.885.195</u>	<u>6.011.340.480</u>
ii) Mua hàng hóa và dịch vụ		
Công ty mẹ	2.600.761.641	-
Công ty con		
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Đồng Nai	651.671.854	1.042.413.218
Trường TH - THCS - THPT Thái Bình Dương	105.128.921	-
Trường THPT Lê Quý Đôn	12.003.550	-
Các công ty thành viên cùng Tập đoàn	865.352.268	-
	<u>4.234.918.234</u>	<u>1.042.413.218</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁO DỤC THÀNH THÀNH CÔNG

Mẫu số B 09 – DN

	Kỳ báo cáo 9 tháng	
	31.03.2018	30.06.2017
	VND	VND
iii) Cho vay		
Công ty mẹ	378.500.000.000	14.000.000.000
Công ty con		
Trường THCS - THPT Tân Phú	18.560.000.000	-
Trường THPT Lê Quý Đôn	10.110.000.000	3.400.000.000
Trường TH - THCS - THPT Thái Bình Dương	15.800.000.000	1.648.213.000
Trường Tiểu học - THCS Lê Quý Đôn	11.510.000.000	6.850.000.000
Trường TH - THCS - THPT Trịnh Hoài Đức	9.350.000.000	4.400.000.000
Trường Đại học Yersin Đà Lạt	2.650.000.000	-
Trường Mầm non Quốc tế ABI Bình Dương	3.580.000.000	-
Trường Mầm non Tư thục Quốc tế ABI Đồng Nai	2.170.000.000	200.000.000
Trường Mầm non Quốc Tế ABI Bến Tre	600.000.000	-
Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học Tư Duy Toàn Cầu TTC	333.000.000	-
Trường THPT Lê Quý Đôn - Long Bình Tân	300.000.000	-
Trường Mầm Non Abi	50.000.000	-
	453.513.000.000	30.498.213.000

iv) Đi vay		
Công ty mẹ	1.500.000.000	-
Công ty con		
Trường Đại học Yersin Đà Lạt	16.400.000.000	-
Trường Cao đẳng Công nghệ và Quản trị Sonadezi	5.000.000.000	3.000.000.000
Trường THPT Lê Quý Đôn - Long Bình Tân	4.250.000.000	-
Trường Mầm non ABI Đồng Nai	2.900.000.000	-
Trường Mầm non ABI Đồng Nai 2	2.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Đồng Nai	1.900.000.000	-
Trường Tiểu học - THCS Lê Quý Đôn	1.500.000.000	-
Trường THPT Lê Quý Đôn	3.000.000.000	-
Trường MN Quốc Tế Abi Bến Tre	2.450.000.000	-
CTy TNHH MTV Giáo Dục Thành Thành Công - Tây Ninh	44.990.000.000	-
Trường Mầm Non Abi 2	700.000.000	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Đồng Nai	1.900.000.000	-
CTy TNHH MTV Phát Triển Giáo Dục 590	5.492.238.397	-
	92.082.238.397	3.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁO DỤC THÀNH THÀNH CÔNG

Mẫu số B 09 – DN

	Kỳ báo cáo 9 tháng	
	31.03.2018 VND	30.06.2017 VND
i) Lãi từ cho vay		
Công ty mẹ	5.977.524.292	16.527.778
Công ty con		
Trường THCS - THPT Tân Phú	562.832.664	-
Trường TH - THCS - THPT Trịnh Hoài Đức	214.147.731	721.333
Trường Tiểu học - THCS Lê Quý Đôn	158.809.613	2.095.033
Trường THPT Lê Quý Đôn	106.838.168	140.000
Trường Đại học Yersin Đà Lạt	90.956.250	-
Trường TH - THCS - THPT Thái Bình Dương	130.247.787	180.833
Trường Mầm non Quốc tế ABI Bình Dương	94.878.266	-
Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học		
Tư Duy Toàn Cầu TTC	7.405.445	-
Trường Mầm non Quốc Tế ABI Bến Tre	10.486.416	-
Trường Mầm non Tư thực Quốc tế		
ABI Đồng Nai	12.626.100	5.000
Trường THPT Lê Quý Đôn - Long Bình Tân	2.016.666	-
Trường Mầm Non Abi	90.410	-
	7.368.859.808	19.669.977
ii) Chia cổ tức		
Công ty mẹ	-	5.250.000.000
iii) Cổ tức, lợi nhuận được chia (Thuyết minh 25)		
Công ty con		
Trường TH - THCS - THPT Tư Thực		
Thái Bình Dương	15.070.149.519	2.617.617.112
Trường THPT Lê Quý Đôn	15.560.000.000	12.428.000.000
Trường TH - THCS Lê Quý Đôn	8.736.016.398	-
Trường THCS - THPT Tân Phú	7.750.500.000	2.625.000.000
Trường TH - THCS - THPT Trịnh Hoài Đức	1.299.179.761	-
Trường Mầm non Tư thực Quốc Tế		
ABI Đồng Nai	1.747.000.000	2.151.000.000
Trường Mầm non Quốc tế ABI Bình Dương	352.068.040	586.000.000
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Đồng Nai	-	224.565.000
	56.406.721.425	20.632.182.112

CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁO DỤC THÀNH THÀNH CÔNG

Mẫu số B 09 – DN

30 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(b) Số dư cuối kỳ với các bên liên quan

	31.03.2018 VND	30.06.2017 VND
i) Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh 4)		
Công ty con		
Trường THPT Lê Quý Đôn	-	1.100.000.000
Trường TH - THCS Lê Quý Đôn	-	1.371.258.606
Trường Mầm non Quốc tế ABI Bình Dương	448.316.352	225.147.134
Trường Mầm non Tư thục Quốc tế ABI Đồng Nai	-	394.224.954
Trường Đại học Yersin Đà Lạt	-	11.282.910
Trường Mầm Non Abi Đồng Nai	607.982.500	-
Trường Mầm Non Abi Đồng Nai 2	171.536.300	-
	<u>1.227.835.152</u>	<u>3.101.913.604</u>
ii) Trả trước cho người bán ngắn hạn (Thuyết minh 5)		
Công ty mẹ	19.692.818	280.332.815
	<u>19.692.818</u>	<u>280.332.815</u>
iii) Phải thu về cho vay ngắn hạn (Thuyết minh 6)		
Công ty mẹ	94.000.000.000	8.500.000.000
Công ty con		
Trường THCS - THPT Tân Phú	1.700.000.000	450.000.000
Trường TH - THCS - THPT Tư Thục Thái Bình Dương	3.900.000.000	7.240.000.000
Trường TH - THCS Lê Quý Đôn	1.400.000.000	5.140.000.000
Trường TH - THCS - THPT Trịnh Hoài Đức	1.800.000.000	4.270.000.000
Trường THPT Lê Quý Đôn	-	3.300.000.000
Trường Mầm non Quốc tế ABI Bình Dương	1.200.000.000	-
Trường Mầm non Tư thục Quốc tế ABI Đồng Nai	250.000.000	-
Trường Đại học Yersin Đà Lạt	-	1.940.000.000
	<u>104.250.000.000</u>	<u>30.840.000.000</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁO DỤC THÀNH THÀNH CÔNG

Mẫu số B 09 – DN

30 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(b) Số dư cuối kỳ với các bên liên quan (tiếp theo)

	31.03.2018 VND	30.06.2017 VND
iv) Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh 7(a))		
Phải thu cổ tức		
Công ty con		
Trường TH - THCS Lê Quý Đôn	10.826.000.000	6.876.000.000
Trường THCS - THPT Tân Phú	8.711.993.959	1.461.493.959
Trường THPT Lê Quý Đôn	1.360.000.000	2.338.418.987
Trường TH - THCS - THPT Thái Bình Dương	2.470.008.859	699.859.340,00
Trường TH - THCS - THPT Trịnh Hoài Đức	573.031.051	-
Trường Mầm non Tư thực Quốc tế ABI Đồng Nai	1.592.722.608	1.173.425.229
Trường Mầm non Quốc tế Abi Bình Dương	(336.044.491)	
	25.197.711.986	12.549.197.515
Phải thu lãi cho vay		
Công ty mẹ	6.297.773.924	2.597.222
Công ty con		
Trường THCS - THPT Tân Phú	534.700.164	53.333
Trường Đại học Yersin Đà Lạt	91.214.250	258.000
Trường Mầm non Quốc tế ABI Bình Dương	50.890.448	-
Trường TH - THCS - THPT Thái Bình Dương	46.580.816	2.585.667
Trường TH - THCS - THPT Trịnh Hoài Đức	27.243.835	951.166
Trường TH - THCS Lê Quý Đôn	5.183.562	8.762.368
Trường THPT Lê Quý Đôn	1.808.219	256.667
Trường Mầm non Tư thực Quốc tế ABI Đồng Nai	12.635.600	15.333
	7.068.030.858	15.479.756
Phải thu khác		
Công ty con		
Trường THCS - THPT Tân Phú	650.000.000	-
Trường TH - THCS - THPT Thái Bình Dương	750.000.000	-
Trường TH - THCS - THPT Trịnh Hoài Đức	(250.000.000)	-
Trường TH - THCS Lê Quý Đôn	700.000.000	-
Trường Mầm non Quốc tế Abi Bến Tre	158.411.000	-
Trường THPT Lê Quý Đôn	800.000.000	-
Trường Mầm non Tư thực Quốc tế ABI Đồng Nai	(321.248.883)	-
Trường Mầm Non Abi Đồng Nai	236.365.346	-
	2.723.527.463	-
	34.989.270.307	12.564.677.271

CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁO DỤC THÀNH THÀNH CÔNG

Mẫu số B 09 – DN

v) Phải thu dài hạn khác (Thuyết minh 7(b))		
Công ty thành viên cùng Tập đoàn	892.773.744	-
	892.773.744	-
30 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)		
(b) Số dư cuối kỳ với các bên liên quan (tiếp theo)		
	31.03.2018	30.06.2017
	VND	VND
vi) Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh 14)		
Công ty mẹ	472.619.250	-
Các công ty thành viên cùng Tập đoàn	1.979.677.298	21.423.026.304
Công ty con		
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Đồng Nai	-	172.141.552
Công ty TNHH MTV Học viện Thành Thành Công	-	23.595.000
	2.601.709.059	21.618.762.856
vii) Phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh 17)		
Cổ tức phải trả		
Công ty mẹ	5.250.000.000	5.505.875.000
Công ty Cổ Phần Đầu tư Kiến trúc Xây dựng Toàn Thịnh Phát	1.500.916.129	-
	6.750.916.129	5.505.875.000
Cổ tức đã nhận thừa phải trả		
Công ty con		
Trường Mầm non Quốc tế Abi Bình Dương	-	688.112.531
	-	688.112.531
Chi phí lãi vay phải trả		
Công ty mẹ	-	1.235.834
Công ty con		
Trường Đại học Yersin Đà Lạt	241.127.028	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Đồng Nai	65.147.442	19.038.666
Trường Mầm non ABI Đồng Nai	25.925.550	-
Trường THPT Lê Quý Đôn - Long Bình Tân	42.884.931	-
Trường Cao đẳng Công nghệ và Quản trị Sonadezi	8.227.397	21.749.999
Trường Mầm non ABI Đồng Nai 2	21.035.616	-
Trường TH - THCS - THPT Thái Bình Dương	191.667	191.667
Trường THPT Lê Quý Đôn	22.241.095	1.235.834
Trường Mầm non Quốc tế Abi Bình Dương	-	248.083
Công Ty TNHH MTV Giáo Dục Thành Thành Công - Tây Ninh	691.481.096	-
Công Ty TNHH MTV Phát Triển Giáo Dục 590	96.825.406	-
Trường Mầm Non Abi 2	3.375.342	-
Trường MN Quốc Tế Abi Bến Tre	35.938.356	-
Trường THCS-THPT Tân Phú	(1.025.833)	-
Trường Tiểu học - THCS Lê Quý Đôn	632.877	-

CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁO DỤC THÀNH THÀNH CÔNG

	1.254.007.970	298.339.249
Lãi phạt do trả chậm Công ty thành viên cùng tập đoàn	-	177.882.761
Phải trả khác		
Công ty con		
Trường Mầm non Quốc tế ABI Bến Tre	-	74.450.000
Công Ty TNHH MTV Phát Triển Giáo Dục 590	4.400.000.000	-
Trường Mầm Non Abi Đồng Nai	14.588.334	-
	12.423.655.765	6.488.784.541
30 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)		
(b) Số dư cuối kỳ với các bên liên quan (tiếp theo)		
	31.12.2017	30.06.2017
	VND	VND
viii) Vay ngắn hạn (Thuyết minh 18(a))		
Công ty con		
Trường Đại học Yersin Đà Lạt	12.000.000.000	-
Công ty Tư vấn Xây dựng Đồng Nai	2.400.000.000	570.000.000
Trường THPT Lê Quý Đôn - Long Bình Tân	1.500.000.000	-
Trường Mầm non ABI Đồng Nai 2	1.000.000.000	-
Trường Mầm non ABI Đồng Nai	950.000.000	-
Trường Cao đẳng Công nghệ và Quản trị Sonadezi	3.300.000.000	-
Trường Mầm non Quốc tế ABI Bình Dương	-	220.000.000
Trường MN Quốc Tế Abi Bến Tre	2.000.000.000	-
Công Ty TNHH MTV Giáo Dục Thành Thành Công - Tây Ninh	44.980.000.000	-
CTy TNHH MTV Phát Triển Giáo Dục 590	5.242.238.397	-
Trường Mầm Non Abi 2	700.000.000	-
	74.072.238.397	790.000.000
ix) Vay dài hạn (Thuyết minh 18(b))		
Công ty con		
Trường Cao đẳng Công nghệ và Quản trị Sonadezi	-	3.250.000.000
31 CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG		
Các hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang. Công ty phải trả mức tối thiểu trong tương lai như sau:		



CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁO DỤC THÀNH THÀNH CÔNG

Mẫu số B 09 – DN

Công ty phải trả mức tối thiểu cho các hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang trong tương lai như sau:

	31.03.2018 VND	30.06.2017 VND
Dưới 1 năm	7.870.299.976	3.238.207.333
Từ 1 đến 5 năm	19.086.318.712	11.376.000.000
Trên 5 năm	1.554.000.000	3.213.000.000
Tổng cộng các khoản thanh toán tối thiểu	28.510.618.688	17.827.207.333

Công ty nhận được mức tối thiểu cho các hợp đồng cho thuê hoạt động không hủy ngang trong tương lai như sau:

	31.03.2018 VND	30.06.2017 VND
Dưới 1 năm	1.078.680.960	365.890.080
Từ 1 đến 5 năm	545.230.560	288.000.000
Tổng cộng các khoản thu tối thiểu	1.623.911.520	653.890.080

32 CAM KẾT VỐN

Các cam kết về chi tiêu tạo lập tài sản cố định đã ký hợp đồng tại ngày lập bảng cân đối kế toán nhưng chưa được hạch toán vào báo cáo tài chính riêng như sau:

	31.03.2018 VND	30.06.2017 VND
Cam kết vốn đầu tư xây dựng công ty con	30.191.988.630	14.205.324.595

33 SỐ LIỆU SO SÁNH

Một vài số liệu so sánh đã được phân loại lại cho phù hợp với việc trình bày báo cáo kỳ này.

Báo cáo tài chính riêng đã được Ban Tổng giám đốc phê duyệt ngày 02 tháng 05 năm 2018.

Phạm Thị Huyền Trang

Phạm Thị Huyền Trang
Người lập

Nguyễn Danh Hiếu

Nguyễn Danh Hiếu
Kế toán trưởng



Dương Thục Linh
Phó Tổng Giám đốc